

課堂作業

Bài tập trong lớp

姓名

Tên

班級

lớp

1- 選一選、說一說：

0800			

1997			

2022			

2- 聽一聽、選一選：



--	--

phở bò



--	--

chanh



--	--

cà phê



--	--

bánh

3- 請把適當的對話連起來：

Chào các em !

Quý khách muốn dùng gì ạ ?

Mẹ có muốn mua gì không ạ ?

Cho tôi một ly cà phê.

Con mua cho mẹ hai trái chanh.

Em chào cô ạ !

4- 自我介紹：

請同學用越南語輸入法寫一段自我介紹，內容如下：

Xin chào cô và các bạn !

Em tên là, học lớp

Em là người Đài Loan.

Em rất thích



參考詞彙

吃炸雞 ăn gà rán	玩電動 chơi game	看書 đọc sách
吃飯 ăn cơm	滑手機 lướt điện thoại	聽音樂 nghe nhạc
喝咖啡 uống cà phê	去旅遊 đi du lịch	看電影 xem phim



參考詞彙

Dấu - Chữ	Kiểu gõ Telex	Ví dụ
sắc	s	as → ă
huyền	f	af → à
hỏi	r	ar → ả
ngã	x	ax → ã
nặng	j	aj → ạ
â	aa	aam → âm
ê	ee	eem → êm
ô	oo	oom → ôm
ă	aw	awn → ăn
ư	uw	tuw → tư
ơ	ow	own → ơn
đ	dd	ddi → đi
Xóa dấu	0	áo → a
Tắt dấu	gõ lẹp \\	ass → as a\s → as